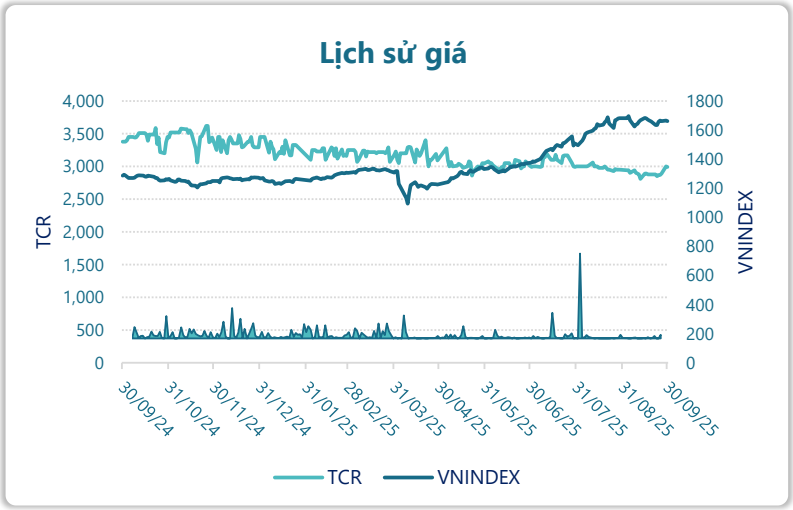
FireAnt

CTCP Công nghiệp Gốm Sứ Taicera (HSX: TCR)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,990**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,620
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,810
SL cổ phiếu LH	45,425,142
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,305
% sở hữu nước ngoài	44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
P/E	-2.2
EPS	-1,341

DT thuần

Q3/25

224

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00| -1.3%

YoY: ▼14.0| -5.9%

LN sau thuế

Q3/25

-2.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.6| 87.7%

YoY: ▲ 17.3| 86.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.6%

+/- YoY: ▲ 7.4%

DT thuần

9T 2025

640

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.0| -1.6%

LN sau thuế

9T 2025

-45.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.20| 0.6%

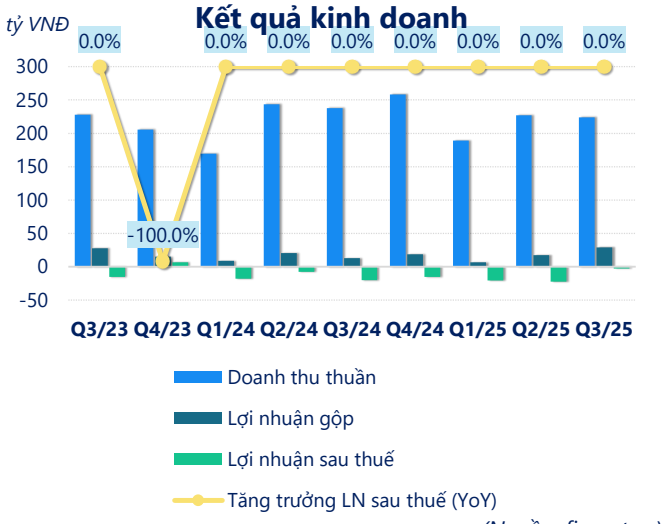
ROE

Q3/25

-17.4%

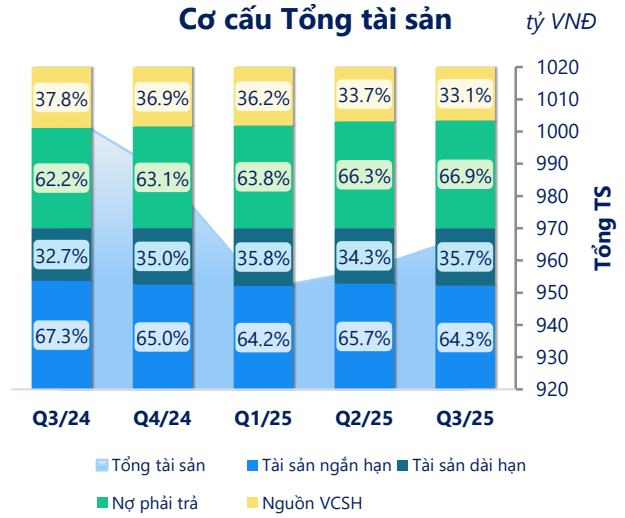
+/- YoY: ▼ 7.9%

Kết quả kinh doanh



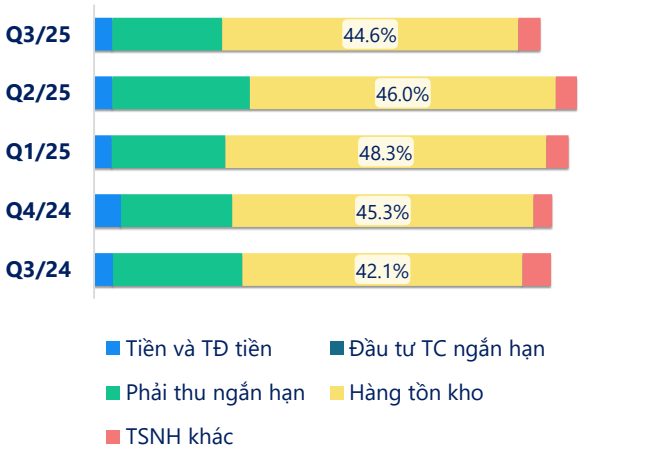
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



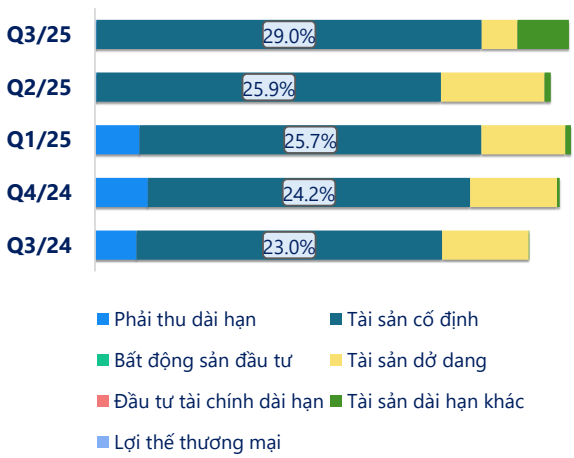
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



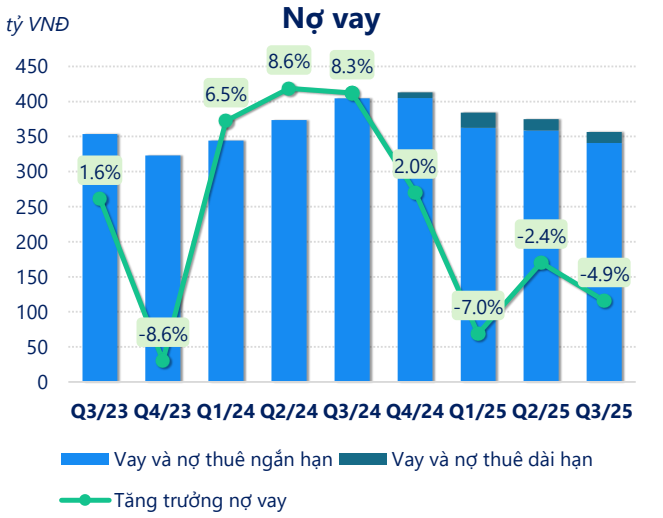
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



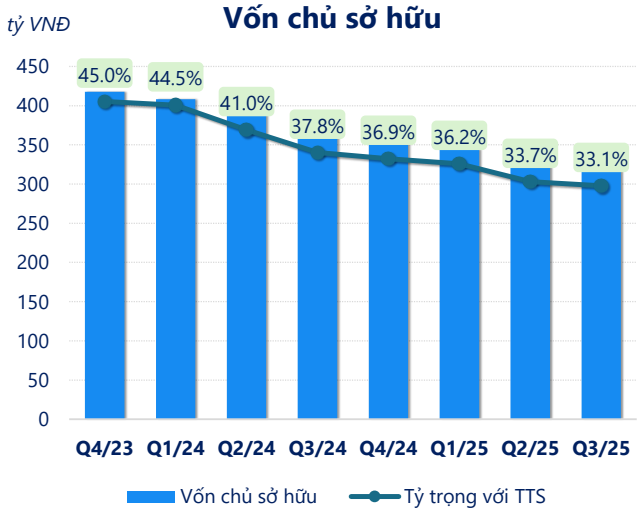
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



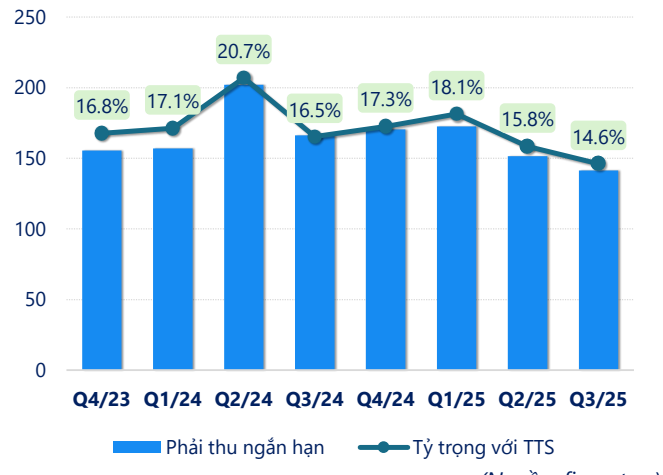
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



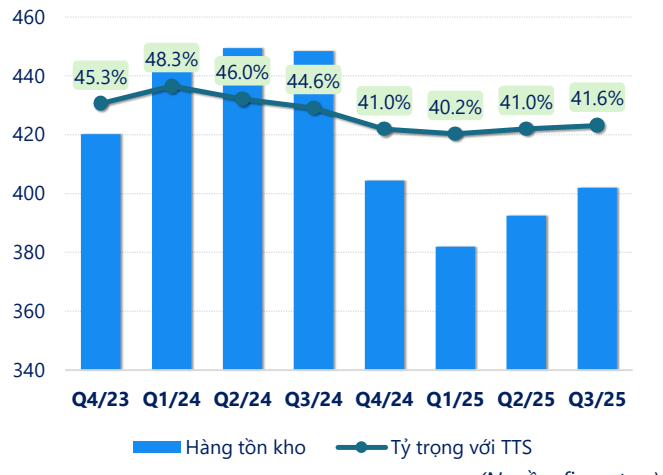
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



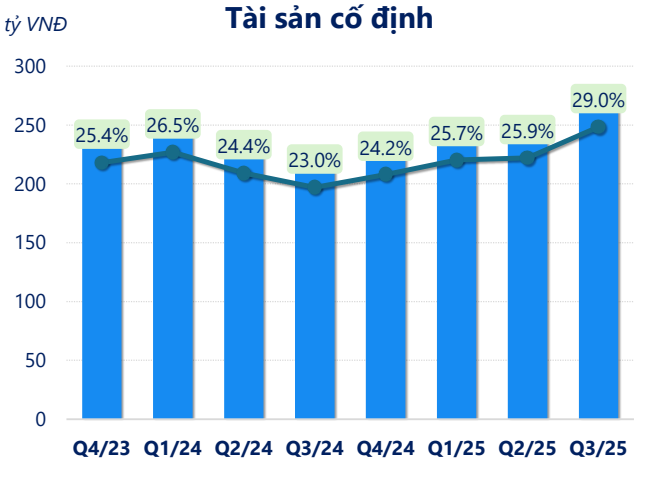
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



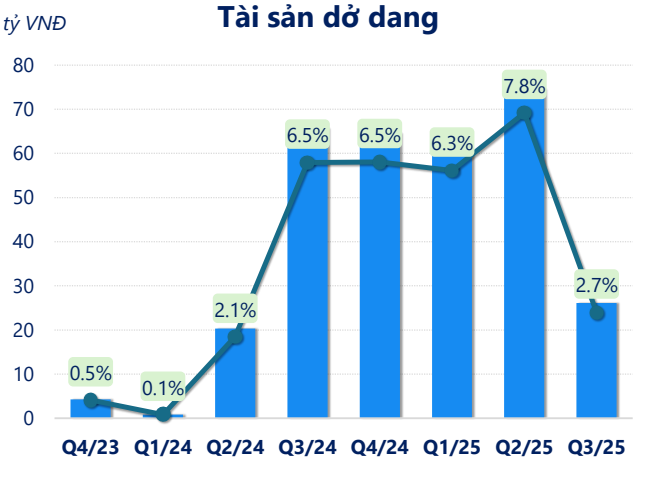
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



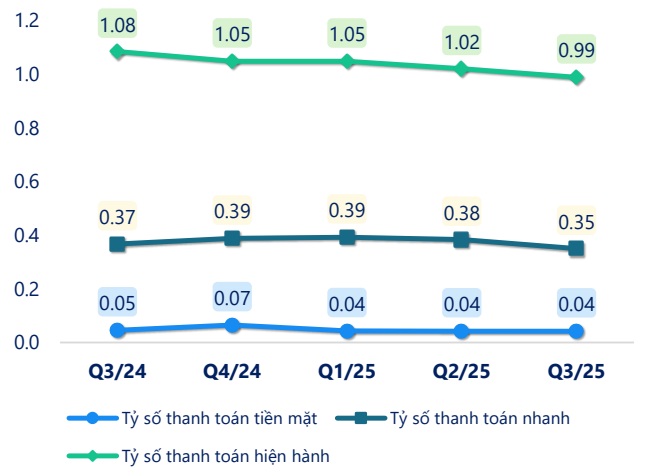
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,006**	**988**	**951**	**957**	**967**
Tài sản ngắn hạn	**677**	**642**	**611**	**629**	**622**
Tiền và tương đương tiền	28.7	39.9	25.1	26.2	26.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	26.2	26.2
Phải thu ngắn hạn	166	170	172	152	141
Hàng tồn kho	448	404	382	392	402
Tài sản ngắn hạn khác	34.0	27.3	31.0	32.5	26.4
Tài sản dài hạn	**329**	**345**	**341**	**328**	**345**
Phải thu dài hạn	31.5	39.3	32.0	1.22	1.14
Tài sản cố định	231	239	245	248	280
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	65.6	64.5	60.1	74.5	26.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.48	2.03	3.97	4.44	37.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**626**	**623**	**607**	**635**	**647**
Nợ ngắn hạn	**625**	**613**	**583**	**617**	**630**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	405	405	362	359	341
Phải trả người bán ngắn hạn	167	154	164	197	230
Nợ dài hạn	1.16	9.77	23.7	18.0	17.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0	8.11	21.8	16.2	15.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**380**	**365**	**344**	**322**	**320**
Vốn chủ sở hữu	**380**	**365**	**344**	**322**	**320**
Vốn điều lệ	454	454	454	454	454
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)